

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/DS-ST

Ngày: 24- 8- 2023

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Ngoan

2. Bà Trần Thúy Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 700/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (A). Địa chỉ trụ sở: Số D - N, phường E, Quận C, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P** – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Trung T** – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số D, đường C, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy ủy quyền Số 582/UQ-QLN.23 ngày 14/4/2023 của ông Nguyễn Đình L là Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ của A, và Giấy ủy quyền ngày 05/7/2022 của ông Từ Tiến P là Tổng Giám đốc của A. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hữu L1 – sinh năm 1981; Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** – sinh năm 1989. Cùng cư trú: Khu vực T, P. T, Q. T, Tp .. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP Á (A) có cho ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H vay tiền theo Hợp đồng cấp tín dụng Số THN.CN.1185.030720 ngày

03/7/2020; số tiền cho vay 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu tiên, mục đích vay cho tiêu dùng, lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/ năm. Ngày giải ngân đầu tiên là 06/7/2020.

Đề đảm bảo cho Hợp đồng cấp tín dụng nói trên, giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất Số THN.BĐCN.128.030720 ngày 03/7/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng Thửa đất số 222 - tờ bản đồ số 01, diện tích 2.655,9 m², loại đất CLN, tọa lạc Khu vực T, P. T, Q. T, Tp .; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số CS01652 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 18/6/2020 đứng tên ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, phía ông L1, bà H1 đã không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 09/01/2023, A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn, nhưng ông L1, bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, A khởi kiện yêu cầu:

- Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả số nợ vay (tạm tính đến ngày 24/8/2023) gồm:

- +Nợ gốc là 136.475.000 đồng;
- +Nợ lãi trong hạn là 7.574.248 đồng;
- +Nợ lãi quá hạn là 15.734.342 đồng;
- +Phạt chậm trả lãi là 518.811 đồng.

Tổng cộng là 160.302.400 đồng (*một trăm sáu mươi triệu, ba trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm đồng*).

Và phải trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/8/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Trường hợp bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 222 - tờ bản đồ số 01, tọa lạc Khu vực T, P. T, Q. T, Tp ..

- *Quá trình giải quyết, bị đơn là ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Ông L1 và bà H thống nhất có vay tiền của A như phía nguyên đơn trình bày. Ông L1, bà H đồng ý trả số nợ gốc cho A và xin giảm bớt tiền lãi do hoàn cảnh gia đình kinh tế đang gặp khó khăn.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Á khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, các bên đương sự không thể thỏa thuận được nên vụ án được đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn có nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với Hợp đồng cấp tín dụng:

Ông Trần Hữu L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H đều thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP Á, theo Hợp đồng cấp tín dụng Số THN.CN.1185.030720 ngày 03/7/2020, với các nội dung, điều khoản cụ thể được thể hiện trong hợp đồng mà phía A trình bày.

Sau khi vay tiền, ông L1 và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Phía A đã nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán nhưng ông L1, bà H vẫn hứa hẹn mà không thực hiện. Tạm tính đến ngày 24/8/2023, ông L1 và bà H còn nợ A khoản tiền như sau:

- +Nợ gốc là 136.475.000 đồng;
- +Nợ lãi trong hạn là 7.574.248 đồng;
- +Nợ lãi quá hạn là 15.734.342 đồng;
- +Phạt chậm trả lãi là 518.811 đồng.

Tổng cộng là 160.302.400 đồng (*một trăm sáu mươi triệu, ba trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm đồng*).

Xét thấy, Hợp đồng cấp tín dụng này tuân thủ quy định pháp luật về nội dung và hình thức và đã được thực hiện, nên phát sinh hiệu lực. Nay các bị đơn cũng thừa nhận và đồng ý trả nợ cho A. Theo bảng kê nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/8/2023 mà phía A cung cấp là phù hợp, bị đơn chỉ xin giảm tiền lãi nhưng phía A không đồng ý giảm lãi mà để quá trình thi hành án sẽ xem xét. Vì thế, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L1 và bà H phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc và lãi chưa thanh toán nói trên cho A.

Ngoài ra, buộc ông L1 và bà H còn phải trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng kể từ sau ngày 24/8/2023 cho đến khi nào trả xong hết nợ cho A.

[3.2] Đối với hợp đồng thế chấp:

Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện, để đảm bảo cho Hợp đồng cấp tín dụng nói trên, giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất Số THN.BĐCN.128.030720 ngày 03/7/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng Thửa đất số 222 - tờ bản đồ số 01, diện tích 2.655,9 m², loại đất CLN, tọa lạc Khu vực T, P. T, Q. T, Tp. ;

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số CS01652 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 18/6/2020 đứng tên ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp có nội dung về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vì vậy, trường hợp ông L1, bà H1 không trả được nợ vay thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 222 nói trên, để thu hồi nợ.

Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì ông L1, bà H1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho A, như trường hợp nợ vay không có bảo đảm.

Ngoài ra, không có ai yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Lỗi làm phát sinh vụ kiện là do bị đơn, nên ông L1 và bà H1 phải chịu khoản chi phí này, với số tiền là 3.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, nên ông L1 và bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ cùng chịu án phí tương ứng là 8.015.120 đồng (*tám triệu, không trăm mười lăm ngàn, một trăm hai mươi đồng*).

Ngân hàng TMCP Á được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.632.000 đồng (*ba triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

[6] Lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như trên là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều: 26; 35; 39; 147; 165; 184; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117; 463; 466; 500; 501; 502 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc các bị đơn ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á số nợ vay tạm tính đến ngày 24/8/2023, gồm:

+Nợ gốc là 136.475.000 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là 7.574.248 đồng;

+Nợ lãi quá hạn là 15.734.342 đồng;

+Phạt chậm trả lãi là 518.811 đồng.

Tổng cộng là 160.302.400 đồng (*một trăm sáu mươi triệu, ba trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm đồng*).

Đồng thời ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/8/2023, theo Hợp đồng cấp tín dụng Số THN.CN.1185.030720 ngày 03/7/2020, được ký kết giữa ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H với Ngân hàng TMCP Á.

2. Trường hợp ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng TMCP Á, thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất Số THN.BĐCN.128.030720 ngày 03/7/2020, được ký kết giữa ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H với Ngân hàng TMCP Á.

Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ, thì ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho A như nợ vay không có bảo đảm.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải cùng chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản là 3.500.000 đồng (*ba triệu, năm trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng chịu án phí với số tiền là 8.015.120 đồng (*tám triệu, không trăm mười lăm ngàn, một trăm hai mươi đồng*).

Ngân hàng TMCP Á được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.632.000 đồng (*ba triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*).theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0003898 ngày 09/5/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt

